

Bản án số: 159/2017/HSST

Ngày: 05/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

2/Bà Bùi Thị Hồng Hoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

- Ông Nguyễn Hoài Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Ông Hoàng Nam Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ: 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 140/2017/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Lương Vĩ T - Giới tính: Nam; sinh năm: 1974 tại Sài Gòn; HKTT: không; trú tại: đường Đ, phường Đ1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: /; con ông: Lương B; và bà: Lâm T (chết); có vợ: Huỳnh Huệ P và 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 09/7/2017.

(Bị cáo có mặt)

- Người bị hại:

Vũ Hà T1 – Sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Trú tại: đường A, Phường X, Quận Y, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Nguyễn Hoàng Đ – Sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Trú tại: đường C, phường T, quận T, TP.HCM.

2/Nguyễn Thị Kim T2 – Sinh năm: 1975 (vắng mặt).
 Trú tại: đường V, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh0..
(Chủ hộ kinh doanh Thành Đạt).
 3/Huỳnh Huệ P – Sinh năm: 1979 (vắng mặt).
 Trú tại: đường Đ, phường Đ1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 23/6/2017, Lương Vĩ T (mặc 01 áo khoác dài tay màu xanh bên ngoài và 01 áo sômi có sọc kẻ bên trong, 01 quần jean dài màu xanh, mang 01 đôi dép xỏ 02 quai màu đen, đội 01 mũ bảo hiểm, đeo 01 kính cận và bịt khẩu trang y tế, mang 01 túi xách màu nâu và bên trong có để 01 con dao bằng kim loại màu trắng) điều khiển xe mô tô biển số 55N1-0032 lưu thông trên nhiều tuyến đường tìm tài sản để chiếm đoạt; khi đi đến trước shop thời trang “Trang Vũ Style” – địa chỉ: 188 đường Ngô Quyền, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì T nhìn thấy bên trong nhà chỉ có một mình chị Vũ Hà T1 (chủ shop Trang Vũ Style), nên nảy sinh ý định vào bên trong cửa hàng thực hiện hành vi cướp tài sản; T đi vào bên trong cửa hàng, lúc này có chị T1, cháu Tăng Bảo N (sinh năm 2007), Tăng Khả D (sinh năm 2014) là hai con gái chị T1, T rút con dao dài khoảng 30cm (cán dao màu đen, dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, mũi nhọn) để trong túi xách, rồi chĩa dao vào người chị T1 (lúc này cháu N, D cũng rút về phía sau lưng chị T1), T yêu cầu giao tài sản; quá sợ hãi, chị T1 lấy trong túi xách của mình đưa cho T số tiền 2.100.000 đồng; lấy tiền xong, T ra xe chạy thoát (toàn bộ sự việc đều có camera cửa hàng và an ninh trên đường Ngô Quyền ghi hình lại được). Sau đó, chị T1 đến Công an Phường 8, Quận 10 trình báo; Công an Phường 8, Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Qua truy xét, ngày 09/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành bắt khẩn cấp và sau đó quyết định khởi tố điều tra đối với Lương Vĩ T về hành vi “Cướp tài sản”.

Tài sản bị chiếm đoạt là 2.100.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết; chị T1 không có yêu cầu bồi thường gì.

Quá trình điều tra, Lương Vĩ T khai nhận hành vi như trên.

Ngoài ra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã thu giữ được các vật chứng từ T như sau: 01 con dao dài 30cm, 01 túi xách màu nâu, 01 áo khoác dài tay màu xanh 01 áo sômi có sọc kẻ, 01 quần jean dài màu xanh, 01 đôi dép xỏ 02 quai màu đen, 01 mũ bảo hiểm, 01 kính cận và 02 khẩu trang y tế màu xanh.

Riêng đối với 01 xe mô tô biển số 55N1- 0032, qua xác minh được biết do chị Nguyễn Hoàng Đ là người đứng tên giấy đăng ký xe; đến tháng 8/2016, chị Đ cầm cố xe tại tiệm cầm đồ “Thành Đạt”; sau đó, chị Đ không đến chuộc xe và yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim T2 (là chủ tiệm cầm đồ “Thành Đạt”) bán chiếc xe trên để thu hồi vốn cho tiệm cầm đồ “Thành Đạt”, chị Đ không thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Tháng 12/2016; chị T2 bán sang tay chiếc xe trên cho chị Huỳnh Huệ P (là vợ Lương Vĩ T) với giá 4.200.000 đồng (nguồn gốc tiền mua là tài sản riêng của chị P); sau đó T mượn xe đi chơi và thực hiện hành vi như đã nêu trên, chị P không biết; hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lương Vĩ T về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Lương Vĩ T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với người bị hại và xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm d khoản 2, 5 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tương ứng đối với bị cáo Lương Vĩ T; xử phạt: bị cáo Lương Vĩ T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt là số tiền 2.100.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài hết, phía người bị hại không yêu cầu bồi thường gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về khoản tiền thu lợi bất chính: đối với tài sản của người bị hại Vũ Hà T1 là 2.100.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt được, tiêu xài cá nhân hết; nay mặc dù chị Vũ Hà T1 không yêu cầu, nhưng số tiền thu lợi bất chính 2.100.000 đồng mà bị cáo có được là do phạm tội mà có, nên đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền này, bị cáo T phải có trách nhiệm giao nộp lại.

Về vật chứng:

Đối với: 01 con dao dài 30cm (cán dài 10cm, lưỡi dài 20cm), 01 túi xách màu nâu (có dây đeo qua vai), 01 áo khoát dài tay màu xám, 01 chiếc áo sơ mi có sọc kẻ, 01

quần Jean màu xanh đen, 01 đôi dép xỏ hai quai màu đen, 01 mũ bảo hiểm (dạng nón bảo hiểm hời, màu xanh dương), 01 chiếc kính cận và 02 khẩu trang y tế; không đáng giá trị; vậy đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 55N1-0032 (Loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: MAXNEO, số khung: RNGCKG1VH91018757, số máy: VZS150FMG-1-018757); qua xác minh được biết do chị Nguyễn Hoàng Đ là người đứng tên giấy đăng ký xe; đến tháng 8/2016, chị Đào cầm cố xe tại tiệm cầm đồ “Thành Đạt”; sau đó, chị Đào không đến chuộc xe và yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim T2 (là chủ tiệm cầm đồ “Thành Đạt”) bán chiếc xe trên để thu hồi vốn cho tiệm cầm đồ “Thành Đạt”, chị Đ không thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Tháng 12/2016; chị T2 bán sang tay chiếc xe trên cho chị Huỳnh Huệ P (là vợ Lương Vĩ T) với giá 4.200.000 đồng (nguồn gốc tiền mua là tài sản riêng của chị P); sau đó T mượn xe đi chơi và thực hiện hành vi như đã nêu trên, chị P không biết. Do vậy đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại cho bà Huỳnh Huệ P quản lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản nhận dạng, nội dung ghi hình của camera, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Lương Vĩ T thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự lại được, để chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là 2.100.000 đồng; do vậy bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm sức khỏe của công dân và trật tự an toàn xã hội,

gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân; ngoài ra bị cáo có quá trình nhân thân không tốt, cụ thể: ngày 07/5/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 20/4/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 9 xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; mặc dù tất cả đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm pháp. Vậy cần phải kịp thời đưa ra xét xử nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng nhận thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), khi quyết định hình phạt xem xét chiếu cố giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt là số tiền 2.100.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài hết, phía người bị hại không yêu cầu bồi thường gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về khoản tiền thu lợi bất chính: đối với tài sản của người bị hại Vũ Hà T1 là 2.100.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt được, tiêu xài cá nhân hết; nay mặc dù chị Vũ Hà T1 không yêu cầu, nhưng số tiền thu lợi bất chính 2.100.000 đồng mà bị cáo có được là do phạm tội mà có, nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền này, bị cáo T phải có trách nhiệm giao nộp lại.

Về vật chứng:

Đối với: 01 con dao dài 30cm (cán dài 10cm, lưỡi dài 20cm), 01 túi xách màu nâu (có dây đeo qua vai), 01 áo khoát dài tay màu xám, 01 chiếc áo sơ mi có sọc kẻ, 01 quần Jean màu xanh đen, 01 đôi dép xỏ hai quai màu đen, 01 mũ bảo hiểm (dạng nón bảo hiểm hơi, màu xanh dương), 01 chiếc kính cận và 02 khẩu trang y tế; không đáng giá trị; vậy áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 55N1-0032 (Loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: MAXNEO, số khung: RENGCKG1VH91018757, số máy: VZS150FMG-1-018757); qua xác minh được biết do chị Nguyễn Hoàng Đ là người đứng tên giấy đăng ký xe; đến tháng 8/2016, chị Đào cầm cố xe tại tiệm cầm đồ “Thành Đạt”; sau đó, chị Đ không đến chuộc xe và yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim T2 (là chủ tiệm cầm đồ “Thành Đạt”) bán chiếc xe trên để thu hồi vốn cho tiệm cầm đồ “Thành Đạt”, chị Đ không thắc mắc, khiếu nại gì về sau. Tháng 12/2016; chị T2 bán sang tay chiếc xe trên cho chị Huỳnh Huệ P (là vợ Lương Vĩ T) với giá 4.200.000 đồng (nguồn gốc tiền mua là tài sản riêng của chị

P); sau đó T mượn xe đi chơi và thực hiện hành vi như đã nêu trên, chị P không biết. Do vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại cho bà Huỳnh Huệ P quản lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Vĩ T phạm tội: “Cướp tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lương Vĩ T;

Xử phạt bị cáo Lương Vĩ T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 09/7/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: không có gì để Tòa giải quyết.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao dài 30cm (cán dài 10cm, lưỡi dài 20cm), 01 túi xách màu nâu (có dây đeo qua vai), 01 áo khoác dài tay màu xanh, 01 chiếc áo sơ mi có sọc kẻ, 01 quần Jean màu xanh đen, 01 đôi dép xỏ hai quai màu đen, 01 mũ bảo hiểm (dạng nón bảo hiểm hơi, màu xanh dương), 01 chiếc kính cận và 02 khẩu trang y tế.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại cho bà Huỳnh Huệ P quản lý đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 55N1-0032 (Loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: MAXNEO, số khung: RNGCKG1VH91018757, số máy: VZS150FMG-1-018757).

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/11 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 2.100.000 (hai triệu một trăm ngàn) đồng, bị cáo Lương Vĩ T phải có trách nhiệm giao nộp lại.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc :

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Cục Hải quan TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục Thuế Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Triệu Luật